

**PHỤ LỤC SỐ 01**  
**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỢC QUYẾT TOÁN**

**Dự án: Cầu BTCT tuyến đường UBND xã đi thôn Làng Rêu**

*(Kèm theo Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của Chủ tịch UBND huyện)*

STT	CƠ CẤU	GIÁ TRỊ DỰ TOÁN CHI TIẾT ĐƯỢC DUYỆT	GIÁ TRỊ CHỦ ĐẦU TƯ TRÌNH DUYỆT	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN	TĂNG (+), GIẢM (-) SO VỚI DỰ TOÁN	TĂNG (+), GIẢM (-) SO VỚI CHỦ ĐẦU TƯ TRÌNH
<b>I</b>	<b>XÂY DỰNG</b>	<b>5.126.742.000</b>	<b>4.392.065.000</b>	<b>4.392.065.000</b>	<b>-734.677.000</b>	<b>0</b>
1	Gói thầu xây dựng	5.126.742.000	4.392.065.000	4.392.065.000	-734.677.000	0
<b>II</b>	<b>QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>114.839.000</b>	<b>114.839.000</b>	<b>114.839.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>TƯ VẤN XÂY DỰNG</b>	<b>493.623.240</b>	<b>447.201.000</b>	<b>447.201.000</b>	<b>-46.422.240</b>	<b>0</b>
1	Chi phí khảo sát, lập BCKTKT	297.511.779	265.478.000	265.478.000	-32.033.779	0
2	Chi phí giám sát thi công	164.209.546	149.822.000	149.822.000	-14.387.546	0
3	Chi phí thẩm tra TK BVTC+DT	15.717.000	15.717.000	15.717.000	0	0
4	Chi phí lập HSMT, phân tích đánh giá HSĐT	16.184.915	16.184.000	16.184.000	-915	0
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>65.256.952</b>	<b>58.229.000</b>	<b>57.953.000</b>	<b>-7.303.952</b>	<b>-276.000</b>
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	29.050.500	29.050.000	28.774.000	-276.500	-276.000
2	Chi phí bảo hiểm công trình	30.760.452	28.065.000	28.065.000	-2.695.452	0
3	Lệ phí thẩm định BCKTKT	1.114.000	1.114.000	1.114.000	0	0
4	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT	4.332.000	0	0	-4.332.000	0
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>64.539.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-64.539.000</b>	<b>0</b>
	<b>Cộng</b>	<b>5.865.000.000</b>	<b>5.012.334.000</b>	<b>5.012.058.000</b>	<b>-852.942.192</b>	<b>-276.000</b>

**PHỤ LỤC SỐ 02**  
**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ**

**Dự án: Cầu BTCT tuyến đường UBND xã đi thôn Làng Rêu**  
(Kèm theo Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	CƠ CẤU	TÊN CÁ NHÂN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN	GIÁ TRỊ ĐÃ THANH TOÁN	CÔNG NỢ ĐẾN THỜI ĐIỂM QUYẾT TOÁN	
					PHẢI THU (-)	PHẢI TRẢ (+)
<b>I</b>	<b>XÂY DỰNG</b>		<b>4.392.065.000</b>	<b>3.828.095.000</b>	<b>0</b>	<b>563.970.000</b>
1	Gói thầu xây dựng	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại 355	3.299.221.000	3.299.221.000	0	0
2		Công ty TNHH Tuấn Hoài Sơn La	1.092.844.000	528.874.000		563.970.000
<b>II</b>	<b>QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>Ban Quản lý dự án ĐTXD&amp;PTQĐ huyện</b>	<b>114.839.000</b>	<b>61.486.000</b>	<b>0</b>	<b>53.353.000</b>
<b>III</b>	<b>TƯ VẤN XÂY DỰNG</b>		<b>447.201.000</b>	<b>414.240.000</b>	<b>0</b>	<b>32.961.000</b>
1	Chi phí khảo sát, lập BCKTKT	Công ty TNHH tư vấn xây dựng công trình Hồng Hưng	265.478.000	265.478.000	0	0
2	Chi phí giám sát thi công	Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Thăng Long	149.822.000	116.861.000	0	32.961.000
3	Chi phí lập HSMT, phân tích đánh giá HSĐT	Trung tâm quy hoạch và kiểm định chất lượng công trình xây dựng Quảng Ngãi	16.184.000	16.184.000	0	0
4	Chi phí thẩm tra TK BVTC+ĐT	Công ty TNHH AUXADU	15.717.000	15.717.000	0	0
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>		<b>57.953.000</b>	<b>29.179.000</b>	<b>0</b>	<b>28.774.000</b>
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	28.774.000	0	0	28.774.000
2	Lệ phí thẩm định BCKTKT	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	1.114.000	1.114.000	0	0
3	Chi phí bảo hiểm công trình	Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ngãi	28.065.000	28.065.000	0	0
	<b>CỘNG</b>		<b>5.012.058.000</b>	<b>4.333.000.000</b>	<b>0</b>	<b>679.058.000</b>
<i>Chi chú: Cơ cấu nguồn vốn theo quy định</i>						
	<b>Tổng cơ cấu nguồn vốn</b>		<b>5.012.058.000</b>	<b>4.333.000.000</b>	<b>0</b>	<b>679.058.000</b>
1	Ngân sách Trung ương		4.360.000.000	3.993.000.000	0	367.000.000
2	Ngân sách tỉnh		436.000.000	340.000.000	0	96.000.000
3	Ngân sách huyện		216.058.000	0	0	216.058.000